

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1665/BQLDANNPTNT-QLDA2 ngày 03 tháng 12 năm
2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo và đề
nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Dự án Chống hạn, xói lở, ngập
lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
6128/TTr-STNMT ngày 03 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận, địa chỉ tại số 36 đường 16
tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh
Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Chống hạn, xói
lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án)
với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến

đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại các xã Hòa Sơn, Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn và xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách - Dự án đầu tư xây dựng cơ bản mã số 7668706 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận cấp; Thông báo mã số thuế do Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 15 tháng 5 năm 2009

1.4. Mã số thuế: 4500369642

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy lợi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án có tiêu chí như nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Diện tích đất: Tổng diện tích Dự án khoảng 32,07 ha.

- Các công trình của Dự án:

+ Xây dựng tuyến đường ống chính: Từ hồ Sông Than đến hồ Lanh Ra với tổng chiều dài 14,285 km; đường kính ống $D = (1.600 - 1.400)$ mm; đường ống tiếp nước vào hồ Lanh Ra, chiều dài 0,477 km, đường ống kính $D = 500$ mm; các công trình trên tuyến đường ống gồm: Nhà van phân phối, hồ thăm, mố néo, van xả khí, xả cặn phục vụ quản lý vận hành; xây dựng hệ thống SCADA phục vụ giám sát, vận hành hệ thống tưới.

+ Đường quản lý vận hành: Xây dựng tuyến đường quản lý vận hành dọc theo tuyến ống chính với chiều dài 14,307 km; chiều rộng nền đường 5,0 m; chiều rộng mặt đường 3,5 m.

+ Nhà quản lý: Nhà cấp IV, diện tích 190 m².

+ Hệ thống điện: đường dây trung áp chiều dài 9,24 km và 14 trạm biến áp, công suất 30 - 45 Kw.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.2. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư

xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận như sau:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện: Ninh Sơn, Ninh Phước tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;
- Chủ cơ sở (3b);
- Các Sở: TNMT, NN&PTNT, XD, CT;
- UBND các huyện: Ninh Sơn và Ninh Phước;
- UBND các xã: Hòa Sơn, Mỹ Sơn, Phước Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. NVP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại nhà quản lý điều hành Dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sau xử lý được dẫn về hồ thu nước, sau đó đưa về suối Cạn.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cạn thuộc thôn Phú Thủy, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1289172,74 ; Y = 563676,34 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰) tại thôn Phú Thủy, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,6 m³/ngày đêm; tương đương 0,025 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được thu vào hồ thu nước, sau xử lý sau đó theo đường ống chảy ra suối Cạn theo phương thức tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị cột B với hệ số K =1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		

3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt của nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được đưa thu vào bể thu nước (dung tích 2,0 m³), sau theo đường ống chảy ra suối Cạn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt tại nhà máy → bể tự hoại 03 ngăn (gồm: ngăn xử lý, ngăn lắng, ngăn lọc) → 01 bể thu nước → suối Cạn.

- Số lượng bể: 01 bể.

- Dung tích của bể tự hoại: 11,2 m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét định kỳ bùn cặn trong công trình xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/8/2026 đến ngày 01/12/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí xả thải tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bề tự hoại 03 ngày theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động tại Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, gồm:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	0,5
02	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	Lỏng	4,0
03	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	1,5
Tổng				6,0

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1,8 tấn/năm (tương đương 1.800 kg/năm). Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 (ba) thùng nhựa có nắp đậy, có dung tích 120 lít/thùng đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa: Diện tích 6,0 m² (kích thước 3,0 m x 2,0 m), tường bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 (ba) thùng nhựa có nắp đậy, có dung tích 100 lít/thùng được đặt tại khuôn viên nhà quản lý điều hành của Dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố môi trường và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó

sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động của Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.